

Số: 02/2026/QĐST- KDTM

Đồng Hới, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 18/2025/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 2 đường L, phường G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc Ngân hàng N. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Bắc Quảng Bình (Theo Quyết định ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 018/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N). Người được ủy quyền lại: Ông Khắc Ngọc Tr - Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân Ngân hàng N chi nhánh Bắc Quảng Bình (Theo Giấy ủy quyền số 1855/GUQ-NHNo.BQB-TH ngày 18/8/2025 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Bắc Quảng Bình).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận số tiền nợ:

Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H xác nhận còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 05/01/2026 là 734.916.241 đồng (*Bảy trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn: 222.586.301 đồng, lãi quá hạn: 95.312.329 đồng, lãi chậm trả: 17.017.611 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000485 ký kết ngày 11 tháng 02 năm 2020.

2.2. Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất về thời gian trả nợ:

Chậm nhất đến hết ngày 26/02/2026 bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 05/01/2026 là 734.916.241 đồng (*Bảy trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 222.586.301 đồng, lãi quá hạn 95.312.329 đồng, lãi chậm trả 17.017.611 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000485 ký kết ngày 11 tháng 02 năm 2020. Tuy nhiên, các bên đương sự thỏa thuận thống nhất nếu bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H trả nợ đúng thời gian như cam kết (đến hết ngày 26/02/2026) thì Ngân hàng N đồng ý cho bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và 30% tiền lãi trên tổng số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp nếu bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H không trả nợ đúng như thời gian đã cam kết (đến hết ngày 26/02/2026) thì bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Kể từ ngày 06/01/2026 bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục trả thêm tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000485 ký kết ngày 11 tháng 02 năm 2020.

2.3. Về Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H vi phạm thời gian trả nợ như đã cam kết thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 1 Thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay Thôn Thượng Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị), diện tích 114m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 682013, số vào sổ cấp GCN: CH,00564 do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 14 tháng 03 năm 2013 mang tên ông Nguyễn Văn H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 52/2020/HĐTC ngày 11 tháng 02 năm

2020 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 52/2020/VBTT ngày 11 tháng 02 năm 2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 743, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/02/2020; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bố Trạch, có số thứ tự 53, quyển số 17 ngày 11/02/2020.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý buộc bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng N theo quy định của pháp luật.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất bị đơn bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.600.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*). Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trên nên bị đơn bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H phải trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N số tiền 4.600.000 đồng. Các bên đương sự thỏa thuận bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền này.

2.5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất bị đơn bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 16.698.000 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 16.226.000 đồng (*Mười sáu triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) mà Ngân hàng N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0000506 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN**Đã ký****Hoàng Thị Thu**

